

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám chuyên khoa ngoại BS. Danh thuộc hộ kinh doanh phòng khám ngoại Đỗ Công Danh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mã hồ sơ: H24.18-260503-180006) ;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 24/05/2026 và biên bản báo cáo khắc phục ngày 21/06/2026 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 1701/QĐ-SYT ngày 07/05/2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y được

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám chuyên khoa ngoại BS. Danh thuộc hộ kinh doanh phòng khám ngoại Đỗ Công Danh;

- Địa chỉ: Số nhà 141, đường Phạm Đình Nguyên, thôn Trung Lãng Tây, xã Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Phòng khám chuyên khoa.
- Số GPXH: 001729/HP-GPXD do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Đỗ Công Danh
Số CCHN: 010527/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 09/07/2018;
- Thời gian hoạt động: Từ 17 giờ 30 đến 20 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6; Từ 8 giờ 00 đến 20 giờ 00 thứ 7.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt
- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 20 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Phòng khám chuyên khoa ngoại BS. Danh thuộc hộ kinh doanh phòng khám ngoại Đỗ Công Danh có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám chuyên khoa ngoại BS. Danh thuộc hộ kinh doanh phòng khám ngoại Đỗ Công Danh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Q.Q.Trinh, PGD N.T.Tr Chính;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).



Lê Minh Quang

PHỤ LỤC: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN (TẠI PHỤ LỤC 01 THÔNG TƯ 23/2023/TT-BYT)

THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA NGOẠI BS. DANH THUỘC HỘ KINH DOANH PHÒNG KHÁM NGOẠI ĐỒ CÔNG DANH

(Kèm theo Quyết định số:2476 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT-BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	4935	3.3817	03. NHI KHOA	Trích áp xe phần mềm lớn
2	14216	15.304	15. TAI MŨI HỌNG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
3	4149	3.3031	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ
4	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
5	12477	BS_10.1276	10. NGOẠI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm
6	1313	3.192	03. NHI KHOA	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
7	4944	3.3826	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
8	5029	3.3911	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ
9	12475	BS_10.1274	10. NGOẠI KHOA	Thay băng
10	14215	15.303	15. TAI MŨI HỌNG	Thay băng vết mổ
11	3562	3.2444	03. NHI KHOA	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm
12	3575	3.2457	03. NHI KHOA	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm
13	12959	12.91	12. UNG BƯỚU	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
14	12960	12.92	12. UNG BƯỚU	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
15	4201	3.3083	03. NHI KHOA	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
16	14213	15.301	15. TAI MŨI HỌNG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
17	18913	28.1	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	18914	28.2	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
19	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
20	14214	15.302	15. TAI MŨI HỌNG	Cắt chỉ sau phẫu thuật